

Số: 3379 /QĐ-ĐHTN

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Thông tin tuyển sinh đại học năm 2026**  
**của Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên**

**GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 58/NQ-HĐĐHTN ngày 08 tháng 7 năm 2022 và Nghị quyết số 03/NQ-HĐĐHTN ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Công văn số 887/ĐHTN-ĐT&QLNH ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc hướng dẫn triển khai công tác tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2356/QĐ-ĐHTN ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Tờ trình số 606/TTr-TNN ngày 04 tháng 6 năm 2026 của Trường Ngoại ngữ về việc đề nghị phê duyệt Thông tin tuyển sinh đại học năm 2026 của Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Trường ban Ban Đào tạo và Quản lý người học.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Thông tin tuyển sinh đại học năm 2026 của Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên (có Thông tin tuyển sinh kèm theo).

**Điều 2.** Thông tin tuyển sinh đại học năm 2026 là cơ sở để Trường Ngoại ngữ tổ chức, triển khai và thực hiện công tác tuyển sinh đại học năm 2026 theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trường ban Ban Đào tạo và Quản lý người học, Hiệu trưởng Trường Ngoại ngữ, Thủ trưởng đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT&QLNH, TNN.

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**TS. Nguyễn Văn Tảo**

## **THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026<sup>1</sup>**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3379 /QĐ-ĐHTN ngày 05 / 6 /2026  
của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)*

### **I. THÔNG TIN CHUNG**

- 1. Tên cơ sở đào tạo:** Trường Ngoại ngữ — Đại học Thái Nguyên
- 2. Mã cơ sở đào tạo:** DTF
- 3. Địa chỉ:** Phường Quyết Thắng – Tỉnh Thái Nguyên  
- Điện thoại: 0208.3648.489  
- Email: tuyensinh.sfl@tnu.edu.vn
- 4. Địa chỉ trang thông tin điện tử**  
<http://sfl.tnu.edu.vn> hoặc <https://sfl.tnu.edu.vn/tuyen-sinh-dai-hoc/>
- 5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh**  
- 0375.252.876 — Thầy Phạm Viết Ngọc (tuyển sinh đại học chính quy)  
- 0989.313.101 — Thầy Nguyễn Huy Hùng (tuyển sinh đào tạo từ xa)
- 6. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo**  
<https://sfl.tnu.edu.vn/chat-luong-giao-duc/>

### **II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

#### **1. Người dự tuyển, điều kiện dự tuyển**

##### **1.1. Người dự tuyển**

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

##### **1.2. Điều kiện dự tuyển**

- Đạt ngưỡng đầu vào theo từng phương thức tuyển sinh;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định, không đang trong thời gian bị kỷ luật hoặc xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc người có hành vi vi phạm pháp luật bị xử lý kỷ luật hoặc đã bị kết án mà chưa hết thời hạn xóa kỷ luật hoặc xóa án tích;
- Người nước ngoài đạt năng lực Tiếng Việt bậc 4 trở lên (theo khung năng lực Tiếng Việt dùng cho người nước ngoài ban hành kèm theo Thông tư 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

<sup>1</sup> Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## 2. Phương thức tuyển sinh, tổ hợp tuyển sinh, nguồn tuyển

### 2.1. Phương thức tuyển sinh

Năm 2026, Trường Ngoại ngữ tuyển sinh theo 5 phương thức như sau:

Thứ tự ưu tiên	Phương thức xét tuyển	Mã phương thức
1	Xét tuyển thẳng theo Điều 8 của Quy chế tuyển sinh	301
2	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	100
3	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế <sup>2</sup> để xét tuyển	409
4	Kỳ thi V-SAT	417
5	Xét tuyển dự bị đại học	500

### 2.2. Tổ hợp xét tuyển

Năm 2026, Trường Ngoại ngữ xét tuyển theo **12** tổ hợp sau:

- D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
- D04: Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung
- DD2: Ngữ văn, Toán, Tiếng Hàn
- D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
- DH5: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Hàn
- D65: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Trung
- D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
- D45: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Trung
- DH1: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Hàn
- X78: Ngữ văn, Tiếng Anh, Giáo dục Kinh tế và pháp luật
- X90: Ngữ văn, Tiếng Trung, Giáo dục Kinh tế và pháp luật
- Y03: Ngữ văn, Tiếng Hàn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật

### 2.3. Nguồn tuyển

Thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) các năm theo tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30, áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026.

Quy định này không áp dụng đối với thí sinh được đặc cách xét tốt nghiệp THPT và tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh.

## 3. Ngưỡng đầu vào và điểm xét tuyển

### 3.1. Ngưỡng đầu vào

#### 3.1.1. Đối với thí sinh đã tốt nghiệp THPT

##### 3.1.1.1. Xét tuyển theo kết quả của Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026

<sup>2</sup> Dùng điểm chứng chỉ môn ngoại ngữ có trong tổ hợp quy đổi thay cho điểm thi tốt nghiệp (môn Tiếng Anh/Tiếng Trung/Tiếng Hàn) để xét tuyển.

## a) Đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên

Theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (điểm sàn) của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định năm 2026.

## b) Đối với nhóm ngành đào tạo ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài

Căn cứ kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026, Trường sẽ xây dựng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (điểm sàn) cụ thể cho các ngành đào tạo và sẽ thông báo sau.

### 3.1.1.2. Xét kết hợp kết quả của Kỳ thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế

## a) Đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên

Theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (điểm sàn) của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định năm 2026 hoặc kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 18,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên.

## b) Đối với nhóm ngành đào tạo ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài

Điểm/tổng điểm các môn trong tổ hợp sau khi quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ<sup>3</sup> đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào như đối với thí sinh chỉ dùng kết quả thi tốt nghiệp THPT.

### 3.1.1.3. Xét tuyển theo kết quả Kỳ thi V-SAT

## a) Đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên

Theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (điểm sàn) của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định năm 2026 hoặc kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 18,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên.

## b) Đối với nhóm ngành đào tạo ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài

Điểm/tổng điểm các môn trong tổ hợp sau quy đổi<sup>4</sup> đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào như đối với thí sinh dùng kết quả thi tốt nghiệp THPT.

### 3.1.2. Đối với thí sinh đã tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên cùng nhóm ngành dự tuyển vào đại học nhóm ngành đào tạo giáo viên áp dụng một trong các tiêu chí sau:

- Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,00 trở lên theo thang điểm 10;

<sup>3</sup> Quy đổi điểm chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế xem Phụ lục 1

<sup>4</sup> Quy đổi điểm V-SAT sẽ thông báo sau

- Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

- Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học đạt loại giỏi trở lên;

- Tốt nghiệp trình độ trung cấp, hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học đạt loại khá và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

### **3.2. Điểm xét tuyển**

#### **3.2.1. Xét tuyển theo kết quả của Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026**

- Theo kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2026.

- Điểm xét tuyển = (Môn 1 + Môn 2 + Ngoại ngữ) + Điểm ưu tiên (nếu có).

Trong đó: Môn 1, Môn 2, Ngoại ngữ là điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển, các môn có trọng số bằng nhau.

- Điểm xét tuyển được tính theo thang điểm 30 và làm tròn đến 02 chữ số thập phân.

#### **3.2.2. Xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế**

- Theo kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ giáo dục và Đào tạo năm 2026 và chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế quy đổi.

- Điểm xét tuyển = (Môn 1 + Môn 2 + Ngoại ngữ) + Điểm ưu tiên (nếu có).

Trong đó: Môn 1, Môn 2 là điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 thuộc tổ hợp xét tuyển, điểm môn Ngoại ngữ là điểm quy đổi từ chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế, các môn có trọng số bằng nhau.

- Điểm xét tuyển được tính theo thang điểm 30 và làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

#### **3.2.3. Xét tuyển theo kết quả Kỳ thi V-SAT**

Theo kết quả kỳ thi V-SAT năm 2026 của tổ hợp D01, D14 và D15.

- Điểm xét tuyển = (Môn 1 + Môn 2 + Ngoại ngữ) + Điểm ưu tiên (nếu có).

Trong đó: Môn 1, Môn 2, Ngoại ngữ là điểm V-SAT sau khi quy đổi, các môn có trọng số bằng nhau .

- Điểm xét tuyển được tính theo thang điểm 30 và làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

## 4. Số lượng tuyển sinh

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã nhóm ngành	Tên nhóm ngành	Số lượng dự kiến	Phương thức tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đại học	7140231	<b>Sư phạm Tiếng Anh</b> Chương trình đào tạo: Sư phạm Tiếng Anh	71402	Đào tạo giáo viên	90	Xét tuyển thẳng: Theo Điều 8 của Quy chế tuyển sinh (Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026)
							Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT gồm các tổ hợp: D01, D14, D15, X78
							Xét tuyển kết hợp chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế quy đổi và điểm thi tốt nghiệp THPT gồm các tổ hợp: D01, D14, D15, X78
							Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT theo tổ hợp D01, D14, D15
							Xét tuyển dự bị đại học gồm các tổ hợp: D01, D14, D15, X78
2	Đại học	7140234	<b>Sư phạm Tiếng Trung Quốc</b> Chương trình đào tạo: Sư phạm Tiếng Trung Quốc	71402	Đào tạo giáo viên	20	Xét tuyển thẳng: Theo Điều 8 của Quy chế tuyển sinh (Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026)
							Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT gồm các tổ hợp: D01, D04, D14, D15, D45, D65, X78, X90, DD2, DH1, DH5, Y03
							Xét tuyển kết hợp chứng chỉ Tiếng Anh, Tiếng Trung, Tiếng Hàn quốc tế quy đổi và điểm thi tốt nghiệp THPT gồm các tổ hợp: D01, D04, D14, D15, D45, D65, X78, X90, DD2, DH1, DH5, Y03
							Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT theo tổ hợp D01, D14, D15

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã nhóm ngành	Tên nhóm ngành	Số lượng dự kiến	Phương thức tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
							Xét tuyển dự bị đại học gồm các tổ hợp: D01, D04, D14, D15, D45, D65, X78, X90, DD2, DH1, DH5, Y03
3	Đại học	7220201	<b>Ngôn ngữ Anh</b> Chương trình đào tạo: - Ngôn ngữ Anh - Song ngữ Anh-Hàn - Tiếng Anh du lịch	72202	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài	560	Xét tuyển thẳng: Theo Điều 8 của Quy chế tuyển sinh (Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026) Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT gồm các tổ hợp: D01, D14, D15, X78 Xét tuyển kết hợp chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế quy đổi và điểm thi tốt nghiệp THPT gồm các tổ hợp: D01, D14, D15, X78 Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT theo tổ hợp D01, D14, D15 Xét tuyển dự bị đại học gồm các tổ hợp: D01, D14, D15, X78
4	Đại học	7220204	<b>Ngôn ngữ Trung Quốc</b> Chương trình đào tạo: - Ngôn ngữ Trung Quốc - Song ngữ Trung-Anh - Song ngữ Trung-Hàn - Tiếng Trung Quốc du lịch	72202	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài	440	Xét tuyển thẳng: Theo Điều 8 của Quy chế tuyển sinh (Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026) Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT gồm các tổ hợp: D01, D04, D14, D15, D45, D65, X78, X90, DD2, DH1, DH5, Y03 Xét tuyển kết hợp chứng chỉ Tiếng Anh, Tiếng Trung, Tiếng Hàn quốc tế quy đổi và điểm thi tốt nghiệp THPT gồm các tổ hợp: D01, D04, D14, D15, D45, D65, X78, X90, DD2, DH1, DH5, Y03

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã nhóm ngành	Tên nhóm ngành	Số lượng dự kiến	Phương thức tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
							Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT theo tổ hợp D01, D14, D15
							Xét tuyển dự bị đại học gồm các tổ hợp: D01, D04, D14, D15, D45, D65, X78, X90, DD2, DH1, DH5, Y03
5	Đại học	7220210	<b>Ngôn ngữ Hàn Quốc</b> Chương trình đào tạo: Ngôn ngữ Hàn Quốc	72202	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài	160	Xét tuyển thẳng: Theo Điều 8 của Quy chế tuyển sinh (Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026) Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT gồm các tổ hợp: D01, D04, D14, D15, D45, D65, X78, X90, DD2, DH1, DH5, Y03 Xét tuyển kết hợp chứng chỉ Tiếng Anh, Tiếng Trung, Tiếng Hàn quốc tế quy đổi và điểm thi tốt nghiệp THPT gồm các tổ hợp: D01, D04, D14, D15, D45, D65, X78, X90, DD2, DH1, DH5, Y03 Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT theo tổ hợp D01, D14, D15 Xét tuyển dự bị đại học gồm các tổ hợp: D01, D04, D14, D15, D45, D65, X78, X90, DD2, DH1, DH5, Y03
<b>Tổng chỉ tiêu</b>						<b>1270</b>	

*Nếu chỉ tiêu tuyển sinh của các ngành không hết sẽ chuyển chỉ tiêu sang các ngành khác (trong cùng nhóm ngành đào tạo giáo viên/ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài)*

## 5. Các thông tin cần thiết khác

- **Điểm chênh lệch:** Không có điểm chênh lệch giữa các tổ hợp môn xét tuyển.
- **Điểm xét tuyển:** Là tổng điểm 03 môn trong tổ hợp môn xét tuyển theo thang điểm 10 cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có) được làm tròn đến hai chữ số thập phân, 03 môn có trọng số điểm bằng nhau. Điểm xét tuyển được tính theo thang điểm 30.
- **Nguyên tắc xét tuyển:** Điểm xét tuyển được xét từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu. Trường hợp số thí sinh có tổng điểm xét tuyển bằng nhau nhiều hơn số chỉ tiêu còn lại, thì ưu tiên xét tuyển thí sinh có môn Ngoại ngữ cao hơn, nếu điểm Ngoại ngữ bằng nhau và vẫn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên theo phương thức xét tuyển tại mục II.2.1.

## 6. Tổ chức tuyển sinh

**6.1. Xét tuyển đợt 1:** Theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

- Đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển: Từ ngày 02/7/2026 đến 17h00 ngày 14/7/2026.
- Tổ chức xét tuyển: Từ ngày 04/8/2026 đến 17h00 ngày 10/8/2026.
- Thông báo kết quả trúng tuyển: Trước 17h00 ngày 13/8/2026.
- Xác nhận nhập học trực tuyến trên hệ thống: Chậm nhất 17h00 ngày 21/8/2026.

### Lưu ý:

- + Đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên chỉ xét tuyển thí sinh đăng ký ở các nguyện vọng có thứ tự từ 01 đến 05.
- + Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời hạn quy định. Quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và Nhà trường sẽ xét tuyển thí sinh khác trong đợt xét tuyển bổ sung.
- + Thí sinh nộp hồ sơ để nhập học theo **Giấy báo trúng tuyển** của Nhà trường.
- + Thí sinh đã tốt nghiệp THPT trước năm 2026, trung cấp (thí sinh tự do) đăng ký xét tuyển theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh đăng ký thông tin cá nhân trên Hệ thống và nộp tại các điểm tiếp nhận theo hướng dẫn của sở giáo dục và đào tạo nơi thí sinh thường trú.

**6.2. Xét tuyển đợt 2 và các đợt bổ sung (nếu có):** Từ ngày 22/8/2026 đến 31/12/2026.

Nhà trường sẽ thông báo thông tin chi tiết tại website: <https://sfl.tnu.edu.vn/tuyen-sinh-dai-hoc/>, hoặc qua website của Đại học Thái Nguyên: <http://tnu.edu.vn>.

## 7. Chính sách ưu tiên

### 7.1. Chính sách ưu tiên chung

Những thí sinh thuộc diện ưu tiên đối tượng, khu vực được hưởng chính sách ưu tiên theo Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành, cụ thể:

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên.
- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01

đến 03) là 2,00 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 04 đến 06) là 1,00 điểm.

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,50 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 03 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

**Điểm ưu tiên** =  $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,50] \times \text{Mức điểm ưu tiên}$  theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### 7.2. Xét tuyển thẳng

a) Điều kiện để công nhận trúng tuyển: **Đã tốt nghiệp Trung học phổ thông.**

b) Chỉ tiêu xét tuyển: Nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh đại học chính quy theo từng ngành đào tạo.

c) Đối tượng xét tuyển:

+ Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các ngành đào tạo của Nhà trường.

+ Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế môn Ngoại ngữ được đăng ký xét tuyển thẳng vào các ngành có ngoại ngữ đạt giải, riêng môn Tiếng Anh được xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành. Thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.

+ Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ. Những thí sinh này phải học bổ sung kiến thức 01 năm học trước khi vào học chính thức.

d) Đăng ký xét tuyển thẳng:

- Hồ sơ đăng ký xét tuyển:

+ Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng.

+ Bản sao hợp lệ các minh chứng thuộc diện xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh.

- Thời gian nộp hồ sơ xét tuyển: Theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hình thức nộp hồ sơ: Thí sinh có thể nộp 1 trong 2 hình thức sau đây:

+ Gửi chuyển phát nhanh qua đường bưu điện theo địa chỉ: Phòng Đào tạo và Quản lý người học A202, Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên, phường Quyết Thắng, tỉnh Thái Nguyên (liên hệ chuyên viên Vũ Mai My, SĐT: 0868 299 268).

+ Nộp trực tiếp tại Phòng Đào tạo và Quản lý người học A202, Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên (liên hệ chuyên viên Vũ Mai My, SĐT: 0868 299 268).

đ) Tổ chức xét tuyển và công bố kết quả xét tuyển: Theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

e) Thí sinh xác nhận nhập học trên hệ thống: Theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### 7.3. Ưu tiên xét tuyển

Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Ngoại ngữ thuộc tổ hợp môn đăng ký xét tuyển được cộng 01 điểm vào điểm xét tuyển. Thời gian đạt giải không quá 03 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển.

**8. Lệ phí xét tuyển:** Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển theo quy định và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **9. Học phí dự kiến, lộ trình tăng học phí**

- Học phí: Theo quy định hiện hành.
- Lộ trình tăng học phí hàng năm theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.
- Đối với sinh viên thuộc diện chính sách được hưởng các chính sách theo quy định, cụ thể:
  - + Miễn, giảm học phí: Theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ.
  - + Trợ cấp xã hội hằng tháng: Mức 100.000 - 140.000 đồng/tháng tùy đối tượng.
  - + Hỗ trợ chi phí học tập: 60% mức lương cơ sở/học kỳ cho sinh viên đối tượng Dân tộc - hộ nghèo, cận nghèo.
  - + Hỗ trợ học tập: 100% mức lương cơ sở/học kỳ cho sinh viên đối tượng Dân tộc rất ít người.
  - Đối với sinh viên ngành sư phạm: Được đăng ký hưởng chính sách hỗ trợ học phí và sinh hoạt phí theo Nghị định 116/NĐ-CP.

Ngoài ra sinh viên có cơ hội được nhận các Học bổng sau:

- Học bổng: Thủ khoa đầu vào, Thủ khoa tốt nghiệp.
- Học bổng khuyến khích học tập: Mức Xuất sắc, Giỏi, Khá theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo (trích từ 8% nguồn thu học phí cho sinh viên chính quy).
- Học bổng ngoài ngân sách: Nâng bước Thủ khoa, Học bổng Panasonic, Học bổng Vallet, Học bổng Hessen,...

### **10. Bảo lưu kết quả trúng tuyển**

- Thí sinh đã có giấy báo trúng tuyển được bảo lưu kết quả trúng tuyển trong những trường hợp sau:
  - + Đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung ngay trong năm trúng tuyển theo quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền.
  - + Bị bệnh nặng hoặc bị tai nạn nghiêm trọng không thể nhập học đúng hạn, có hồ sơ y tế và xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.
  - Thời gian bảo lưu: 03 năm.

**11. Thông tin tuyển sinh của 02 năm gần nhất**

Mã ngành xét tuyển	Tên ngành	Mã nhóm ngành	Tên nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Tuyển sinh năm 2024			Tuyển sinh năm 2025		
					Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
7140231	Su phạm Tiếng Anh	71402	Đào tạo giáo viên	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	60	25	26,95	60	62	27,07
				Xét kết quả học tập ở cấp THPT	17	18	28,5			
7140234	Su phạm tiếng Trung Quốc	71402	Đào tạo giáo viên	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	10	12	26,65	20	21	27,02
				Xét kết quả học tập cấp THPT	07	09	27,95			
7220201	Ngôn ngữ Anh	72202	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	230	270	23,7	510	541	19,35
				Xét kết quả học tập cấp THPT	100	198	23,7			
7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	72202	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	240	259	24,5	410	405	21,4
				Xét kết quả học tập cấp THPT	105	140	26,5			

### III. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC TỪ XA

#### 1. Người dự tuyển và điều kiện dự tuyển

##### 1.1. Người dự tuyển

Người dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức đã được công nhận tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học của Việt Nam.

##### 1.2. Điều kiện dự tuyển

- Đạt ngưỡng đầu vào theo từng phương thức tuyển sinh;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định, không đang trong thời gian bị kỷ luật hoặc xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc người có hành vi vi phạm pháp luật bị xử lý kỷ luật hoặc đã bị kết án mà chưa hết thời hạn xóa kỷ luật hoặc xóa án tích.

#### 2. Ngành và phương thức tuyển sinh

Ngành tuyển sinh: Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Trung Quốc.

Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển theo văn bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên và kết quả học tập toàn khóa tương ứng.

##### 2.1. Ngưỡng đầu vào

Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học đạt loại trung bình trở lên.

##### 2.2. Điểm xét tuyển

Điểm xét tuyển là điểm trung bình chung kết quả học tập toàn khóa trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học.

##### 2.3. Chỉ tiêu tuyển sinh

STT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Số QĐ đào tạo	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có TQ cho phép hoặc trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo	Năm bắt đầu đào tạo từ xa
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	900	141/QĐ-ĐHTN-ĐT	03/03/2011	ĐHTN	2011	2025
2	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	100	141/QĐ-ĐHTN-ĐT	03/03/2011	ĐHTN	2011	2025

#### 3. Các thông tin cần thiết khác

Xét tuyển theo điểm kết quả học tập toàn khóa từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu. Trường hợp số thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau nhiều hơn số chỉ tiêu còn lại, thí sinh nào có điểm ngoại ngữ cao hơn sẽ được ưu tiên xét tuyển.

#### 4. Tổ chức tuyển sinh

- Thời gian đăng ký xét tuyển (dự kiến): Tháng 3, tháng 6, tháng 9, tháng 12 đến khi hết chỉ tiêu.

- Hồ sơ đăng ký gồm:

+ Phiếu đăng ký (theo mẫu của Trường Ngoại ngữ);

- + Bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học (công chứng);
- + Kết quả học tập toàn khóa trung cấp, cao đẳng, đại học (công chứng).

**5. Lệ phí xét tuyển:** Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển theo quy định và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **6. Học phí dự kiến, lộ trình tăng học phí**

- Học phí đào tạo hình thức từ xa: Không vượt quá 150% mức thu học phí so với đào tạo chính quy tương ứng theo quy định.

- Lộ trình tăng học phí hàng năm theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

#### **IV. CAM KẾT ĐỐI VỚI THÍ SINH**

- Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập: Nhà trường thực hiện các biện pháp cần thiết và tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký và theo học các ngành phù hợp.

- Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh.

#### **V. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

1. Các quy định, quy chế, hướng dẫn, biểu mẫu, kế hoạch, thông báo tuyển sinh,... được đăng tải trên website: <http://sfl.tnu.edu.vn> hoặc <https://sfl.tnu.edu.vn/tuyen-sinh-dai-hoc/>.

2. Hồ sơ gốc (bản chính văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận ưu tiên,...) thí sinh sẽ phải nộp lại cho Nhà trường **khi nhập học** để đối chiếu. Nếu phát hiện sai phạm, thí sinh sẽ bị xử lý theo quy định.

3. Thí sinh có trách nhiệm thường xuyên cập nhật các thông tin về tuyển sinh trên website của Nhà trường./.

**Phụ lục I**  
**BẢNG QUY ĐỔI ĐIỂM CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ QUỐC TẾ**

<b>IELTS</b>	<b>TOEIC (L&amp;R/S/W)</b>	<b>TOEFL iBT</b>	<b>Điểm quy đổi</b>
5.0	550-784/120/120	35-45	8.0
5.5	785/160/150	46-59	8.5
6.0	840/160/160	60-78	9
6.5	890/170/170	79-95	9.5
7.0 trở lên	945/180/180	96 <sup>+</sup>	10

<b>HSK và HSKK</b>	<b>Điểm quy đổi</b>
HSK3 (từ 200-300), HSKK Sơ cấp (từ 60-100)	8.0
HSK4 (từ 180-220), HSKK Trung cấp (từ 60-100)	8.5
HSK4 (từ 221-300), HSKK Trung cấp (từ 60-100)	9
HSK5 (từ 180-300), HSKK Cao cấp (từ 60-100)	9.5
HSK6 (từ 180-300), HSKK Cao cấp (từ 60-100)	10

<b>TOPIK II</b> <b>(Tối đa 300 điểm, gồm Nghe, Đọc và Viết)</b>	<b>Điểm quy đổi</b>
Cấp 3 (120 đến 149 điểm)	8.5
Cấp 4 (150 đến 189 điểm)	9
Cấp 5 (190 đến 229 điểm)	9.5
Cấp 6 (Từ 230 điểm trở lên)	10

*\* Các chứng chỉ trên phải còn trong thời hạn 2 năm tính từ ngày ghi trên chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ*

**Phụ lục II****PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG, ƯU TIÊN XÉT TUYỂN  
VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2026***(Kèm theo Thông tin tuyển sinh đại học năm 2026 của Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên)***BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG, ƯU TIÊN XÉT TUYỂN  
VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2026***(Sử dụng cho thí sinh thuộc diện xét tuyển thăng theo quy định tại  
khoản 1, 2 và điểm a khoản 5 Điều 8 của Quy chế tuyển sinh)*

Ảnh 4x6

**1. Họ và tên thí sinh** *(Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)*..... *(nữ ghi 1, nam ghi 0)*

Giới

**2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh:***(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)*

Ngày

Tháng

Năm

**3. Số CMND/CCCD** *(như hồ sơ đăng ký dự thi)***4. Điện thoại** *(như hồ sơ đăng ký dự thi):* ..... **Email:** .....**5. Nơi sinh** *(tỉnh, thành phố):* .....**6. Năm tốt nghiệp THPT** .....**7. Năm đoạt giải:** .....**8. Môn đoạt giải, loại giải, huy chương***Môn đoạt giải**Loại giải, loại huy chương***9. Trong đội tuyển Olympic khu vực và quốc tế năm .....** môn: .....**10. Đăng ký xét tuyển thăng hoặc ưu tiên xét tuyển thăng vào CSĐT/ngành học:***(thí sinh có thể chọn (ghi rõ) phương thức XTT, UTXT hoặc cả 2 phương thức vào các dòng  
trương ứng tại các cột Xét tuyển thăng, Ưu tiên xét tuyển)*

Số TT	Mã CSĐT (chữ in hoa)	Mã ngành/Nhóm ngành	Tên ngành/Nhóm ngành	Xét tuyển thăng	Ưu tiên xét tuyển
1					
2					
3					
4					
5					
...					
...					

**11. Địa chỉ báo tin:** .....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp 12 trường THPT.....đã khai đúng sự thật.

Ngày ..... tháng ..... năm 2026

**Hiệu trưởng**  
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày ..... tháng ..... năm 2026

**Chữ ký của thí sinh**

**Phụ lục III**  
**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG**  
**VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2026**  
*(Kèm theo Thông tin tuyển sinh đại học năm 2026 của Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên)*

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO    CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG**  
**VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2026**  
*(Sử dụng cho thí sinh thuộc diện xét tuyển thặng theo quy định tại điểm b, c, khoản 4 Điều 8 của Quy chế tuyển sinh)*

Ảnh 4x6

**1. Họ và tên thí sinh** *(Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)*

..... *(nữ ghi 1, nam ghi 0)*

**Giới**

**2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh**

*(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)*

 

ngày

 

tháng

 

năm

**3. Số CMND/CCCD** *(như hồ sơ đăng ký dự thi)*

   
   
   
   

**4. Điện thoại** *(như hồ sơ đăng ký dự thi)*: ..... **Email**: .....

**5. Hộ khẩu thường trú** *(Ghi rõ xã, huyện, tỉnh)*.....

**6. Dân tộc**: .....

**7. Nơi học THPT hoặc tương đương:**

- Năm lớp 10: .....

- Năm lớp 11: .....

- Năm lớp 12: .....

**8. Năm tốt nghiệp THPT**: .....

**9. Học lực**: Năm lớp 10: .....; Năm lớp 11: .....; Năm lớp 12: .....

**10. Đăng ký xét tuyển thặng vào CSĐT/ngành học:**

Số TT	Mã CSĐT (chữ in hoa)	Mã ngành/Nhóm ngành	Tên ngành/Nhóm ngành
1			
2			
3			
4			
5			
...			
...			
...			
...			

**11. Địa chỉ báo tin**: .....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp  
12 Trường THPT.....  
đã khai đúng sự thật.

*Ngày ..... tháng ..... năm 2026*

**Hiệu trưởng**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

*Ngày ..... tháng ..... năm 2026*

**Chữ ký của thí sinh**

**Phụ lục IV****PHIẾU ĐĂNG KÝ THÔNG TIN CÁ NHÂN***(Kèm theo Thông tin tuyển sinh đại học năm 2026 của Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên)*

SỞ GDĐT.....MÃ SỐ:

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số phiếu:

**PHIẾU ĐĂNG KÝ THÔNG TIN CÁ NHÂN****ĐỐI TƯỢNG THÍ SINH ĐÃ TỐT NGHIỆP THPT, TRUNG CẤP, TRUNG HỌC NGHỀ****1. Họ, chữ đệm và tên của thí sinh** *(Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)*

.....

Giới tính *(Nữ ghi 1, Nam ghi 0)* **2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh***(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu)*

Ngày

Tháng

Năm

**3. a) Nơi sinh** *(tỉnh hoặc thành phố trực thuộc Trung ương; sau đây viết tắt là tỉnh/thành phố):* .....**b) Dân tộc** *(Ghi bằng chữ):* .....**c) Quốc tịch nước ngoài** **4. CMND/CCCD** *(Ghi mỗi chữ số vào một ô)***5. Nơi thường trú:***Mã tỉnh/thành phố Mã huyện (quận) Mã xã (phường)**Ghi rõ tên tỉnh/thành phố, huyện (quận), xã (phường) vào dòng trống sau:*.....

.....

**Nơi thường trú trên 18 tháng tại khu vực 1:**  **Nơi thường trú trên 18 tháng tại xã đặc biệt khó khăn:** **6. Nơi học THPT hoặc tương đương** *(Ghi tên trường và nơi trường đóng: huyện (quận), tỉnh/thành phố và ghi mã tỉnh, mã trường):*

Năm lớp 10.....

Năm lớp 11.....

Năm lớp 12.....

Tên lớp 12: .....


Mã Tỉnh Mã Trường

**7. Điện thoại:** ..... **Email:** .....**8. Họ tên, điện thoại và địa chỉ người liên hệ:** .....**CAM ĐOAN VÀ XÁC NHẬN**

Tôi xin cam đoan những lời khai trong Phiếu ĐKDT này là đúng sự thật. Nếu sai, tôi xin chịu xử lý theo các quy định hiện hành.

Ngày tháng năm 2026

Chữ ký của thí sinh

Ảnh 4x6
------------

Xác nhận người khai Phiếu này đang cư trú ở

xã, phường: .....

huyện.....

tỉnh.....

Ngày tháng năm 2026

*(Ký tên và đóng dấu)*